

Số: /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 159/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP; Nghị định số 50/2026/NĐ-CP;

Thực hiện Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc cho ý kiến quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 159/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất như sau:

a) Đất thuê thuộc các khu vực, tuyến đường trên địa bàn các phường (trừ quy định tại điểm d khoản này) là 1,0%;

b) Đất thuê thuộc các khu vực, tuyến đường trên địa bàn các xã (trừ quy định tại điểm c, điểm d khoản này) là 0,75%;

c) Đất thuê thuộc các khu vực, tuyến đường trên địa bàn các xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo quy định của Chính phủ (trừ quy định tại điểm d khoản này) là 0,5%;

d) Đất thuê thuộc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tập trung là 0,75%.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng....năm 2026.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Thuế tỉnh Ninh Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH